

Bản án số: 57/2025/DS - PT

Ngày: 22-01-2025

V/v: “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất, văn bản
công chứng vô hiệu, chia tài sản
chung của hộ gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**

Các Thẩm phán: ông **Vũ Thanh Liêm**

ông **Đặng Kim Nhân.**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 280/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, văn bản công chứng vô hiệu, chia tài sản chung của hộ gia đình*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Kiều N**; địa chỉ: **Số B T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Nguyễn Mạnh C**, trú tại: **T, thị trấn Đ, Q, Quảng Nam**. Địa chỉ liên lạc: **I Hải Phòng, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị T**; địa chỉ: **Số C L, khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** (đã chết trong quá trình giải quyết vụ án).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: Số C đường L, khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Anh Nguyễn Đăng H1; địa chỉ: Số C đường L, khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T1 - Công ty L Công sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; địa chỉ: số F L, phường A, quận T, thành phố H. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Phòng Công chứng số 1 tỉnh Q; địa chỉ: đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022, đơn bổ sung khởi kiện ngày 03/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phan Thị Kiều N trình bày:

Chị Phan Thị Kiều N sinh ra và lớn lên trong gia đình có bố là Phan Văn Đ, mẹ là Trần Thị T. Năm 1980 bố chị N chết, sau đó mẹ chị N kết hôn với ông Nguyễn Đăng B và sinh thêm hai em Nguyễn Thị H, Nguyễn Đăng H1 cùng sống chung tại phường C, thị xã (nay là thành phố) Đ, tỉnh Quảng Trị. Năm 1991, mẹ chị N đứng tên chủ hộ nhận chuyển nhượng thửa đất có diện tích 200 m² của ông Nguyễn Đăng D theo Quyết định số 66/QĐ-UB ngày 05/01/1991 của UBND thị xã Đ, lúc này, hộ gia đình chị N có 05 người gồm: Mẹ Trần Thị T (chủ hộ), ông Nguyễn Đăng B, Phan Thị Kiều N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đăng H1.

Năm 1995, bố dượng ông Nguyễn Đăng B chết, đến năm 2002 gia đình có nộp đơn xin đăng ký QSD đất và được UBND thị xã Đ kiểm tra đo đạc thực tế, sang tên, bổ sung diện tích và ban hành quyết định số 360/QĐ-UB ngày 05/3/2002 cấp GCNQSD đất số U 551324 cho hộ bà Trần Thị T, diện tích 410 m² thuộc thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04 tại phường C, thị xã Đ, tỉnh Quảng Trị. Tại thời điểm này thành viên hộ gia đình gồm có 04 người gồm: Mẹ Trần Thị T (chủ hộ), Phan Thị Kiều N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đăng H1.

Ngày 08/02/2010, chị N chuyển hộ khẩu đến phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng sinh sống cho đến nay. Thế nhưng, ngày 30/8/2013 mẹ bà Trần Thị T cùng với hai em đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đăng B. Trong đó phần di sản của ông B để lại mà em H và H1 được hưởng được tặng cho mẹ là bà Trần Thị T. Văn bản thỏa thuận này được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị do Công chứng viên Lê Hoài N1 ký, đóng dấu vào sổ số 1619, Quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2013.

Ngày 13/9/2013, sau khi nhà nước thu hồi 19m² để làm đường, bà Trần Thị T đã tách thửa đất trên thành 02 thửa và đổi từ “Hộ bà Trần Thị T” thành cá nhân

bà **Trần Thị T** và được **UBND thành phố Đ** cấp 02 GCNQSD đất số BP 386478 (diện tích 224m²) và GCNQSD đất số BP 386479 (diện tích 167m²).

Ngày 13/9/2013 bà **Trần Thị T** đã lập hợp đồng tặng cho QSD đất cho chị **Nguyễn Thị H** với diện tích 167m² thửa đất tại **khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**. Hợp đồng được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị do Công chứng viên **Lê Hoài N1** ký, đóng dấu vào sổ số 1698, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2013 và được **UBND thành phố Đ** cấp GCNQSD đất số BP 386050 ngày 29/10/2013 cho **Nguyễn Thị H**.

Việc bà **Trần Thị T** cùng các em **Nguyễn Thị H, Nguyễn Đăng H1** đã tự ý phân chia QSD đất mà chị **N** là thành viên hộ gia đình, nhưng không được tham gia thảo luận, bàn bạc và quyết định là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chị **Phan Thị Kiều N**. Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị và **UBND thành phố Đ** xác nhận vào các hợp đồng tặng cho và ban hành quyết định cấp GCNQSD đất cho bà **Trần Thị T** và **Nguyễn Thị H** là trái pháp luật.

Vì vậy, chị **Phan Thị Kiều N** làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị, vào sổ số 1619, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2013 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 13/9/2013 vô hiệu.

- + Yêu cầu hủy 03 GCNQSD đất số BP 386478, diện tích 224m² và GCNQSD đất số BP 386479, diện tích 167m² do **UBND thành phố Đ** cấp ngày 13/9/2013 cho bà **Trần Thị T**. Giấy CNQSD đất số BP 386050, diện tích 167m² do **UBND thành phố Đ** cấp ngày 28/10/2013 cho chị **Nguyễn Thị H**.

- + Phân chia tài sản chung của hộ gia đình, trong đó xác định quyền sử dụng đất của chị **Phan Thị Kiều N** được hưởng là 80 m², tính ra giá trị là 227.100.000 đồng.

2. Tại biên bản hòa giải ngày 03/01/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị T, tại phiên tòa người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn trình bày:

Thửa đất do vợ chồng bà **T** tạo dựng từ trước, đến năm 2002 mới được cấp GCNQSD đất cấp cho hộ gia đình bà **T**, sau khi chồng bà **T** là ông **Nguyễn Đăng B** chết, gia đình đã thực hiện các thủ tục cần thiết thỏa thuận phân chia di sản, tách thửa và tặng cho con **Nguyễn Thị H**, việc này con gái của bà **T** là chị **Phan Thị Kiều N** đã được biết và không có ý kiến gì từ trước cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp.

Hiện nay, GCNQSD đất đã được cấp cho bà **T** và chị **Nguyễn Thị H**; gia đình đã sử dụng ổn định liên tục từ năm 2013 cho đến khi xảy ra tranh chấp. Do đó, bà **T** không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **N**.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ **Tại Công văn số 2257/UBND-PTNMT ngày 07/11/2022 và Công văn số 2008/UBND-PTNMT ngày 10/9/2024 UBND thành phố Đ có ý kiến như sau:**

Gia đình bà **Trần Thị T** có thửa đất tại **khu phố F, phường C**, kê khai ở Bản đồ địa chính năm 2001 của Phường 3 tại thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04 với diện tích 410m². Năm 2001, hộ bà **Trần Thị T** lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất và được **UBND phường C2** xác nhận với nội dung: “Đất do nhận chuyển nhượng của anh **Nguyễn Đăng D** theo Quyết định số 66/QĐ-UB của **UBND thị xã Đ**, ngày 05/3/2002, UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà đã cấp Giấy CNQSD đất số U551324 tại thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04, **Phường C** với diện tích 410m² cho hộ bà **Trần Thị T**”.

Năm 2013, bà **Trần Thị T** đề nghị cấp đổi lại giấy CNQSD đất với lý do, hiện trạng thửa đất có thay đổi (bị thu hồi một phần diện tích đất để mở đường **Lương Ngọc Q**), xin tách thửa đất thành 02 thửa (thửa 229 và thửa 537), đồng thời bổ sung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được **Phòng C** tỉnh chứng thực ngày 30/8/2013. Trên cơ sở đó, ngày 13/9/2013, **UBND thành phố Đ** cấp đổi lại thành hai giấy CNQSD đất số BP 386479 tại thửa đất số 537, tờ bản đồ số 15 (cũ 04) với diện tích 167m² và Giấy CNQSD đất số BP 386478 tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 15 (cũ 04) với diện tích 224m² cho bà **Trần Thị T**.

Sau đó, bà **Trần Thị T** đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 537m², tờ bản đồ số 15 (cũ 04) với diện tích 167m² cho chị **Nguyễn Thị H** được phòng công chứng số 01 tỉnh chứng thực ngày 13/9/2013. Trên cơ sở đó, ngày 28/10/2013 **UBND thành phố Đ** cấp đổi lại Giấy CNQSD đất số BP 386050 cho chị **Nguyễn Thị H** tại thửa đất số 537, tờ bản đồ số 15 (cũ 04).

Việc cấp, cấp đổi các GCNQSD đất nói trên là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Diện tích thửa đất bà **Trần Thị T** đăng ký quyền sử dụng đất có tăng so với diện tích cấp đất của ông **Nguyễn Đăng D** tại Quyết định số 66/QĐ-UB ngày 05/01/1991 của **UBND thị xã Đ**; tuy nhiên phần diện tích này nằm trong thửa đất của gia đình bà **T** sử dụng ổn định, được các hộ liên kề và **UBND phường C2** ký xác nhận, đất không có tranh chấp và kê khai ở hồ sơ địa chính qua các thời kỳ của **Phường C**.

+ **Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị:** Quá trình giải quyết vụ án không có trình bày ý kiến.

+ **Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đăng H1 trình bày:** Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **H** và anh **H1** cùng thống nhất với kiến của mẹ là bà **Trần Thị T**, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Phan Thị Kiều N**.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

“Căn cứ khoản 5, 11 Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 147, Điều 157, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100 luật đất đai 2013; Điều 649, 651 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Phan Thị Kiều N** về việc:

+ Tuyên bố Văn bản phân chia thừa kế của ông **Nguyễn Đăng B** được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị chứng thực ngày 30/8/2013 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/9/2013 giữa bà **Trần Thị T2** và chị **Nguyễn Thị H** được phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị chứng thực ngày 13/9/2013 là vô hiệu.

+ Hủy 03 GCNQSD đất số BP 386478, diện tích 224m² và GCNQSD đất số BP 386479, diện tích 167m² do **UBND thành phố Đ** cấp ngày 13/9/2013 cho bà **Trần Thị T**. Giấy CNQSD đất số BP 386050, diện tích 167m² do **UBND thành phố Đ** cấp ngày 28/10/2013 cho chị **Nguyễn Thị H** và chia tài sản chung của hộ gia đình.

+ Phân chia tài sản chung của hộ gia đình, trong đó xác định quyền sử dụng đất của chị **Phan Thị Kiều N** được hưởng là 80 m², tính ra giá trị là 227.100.000 đồng.”

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2024, nguyên đơn chị **Phan Thị Kiều N** kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị **N** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị Kiều N** đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không kháng cáo của chị **Phan Thị Kiều N**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của

những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

Ngày 05/01/1991, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Quyết định số 66/QĐ-UB để giao đất cho ông Nguyễn Đăng D, trú tại Phường B, với diện tích được giao là 200m², chiều dài 20m, chiều rộng 10m, có giới hạn như sơ đồ kèm theo để làm nhà ở. (bl 64)

Sau đó, ông Nguyễn Đăng D đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Nguyễn Đăng B, bà Trần Thị T, việc chuyển nhượng đất đã được Ủy ban nhân dân phường C2 xác nhận vào ngày 08/6/1996 và 01/8/2001. (bl 62)

Tại thời điểm ông B, bà T nhận chuyển nhượng đất thì chị Phan Thị Kiều N sinh năm 1979 (mới 12 tuổi) nên không thể đóng góp gì.

[3] Xét diện tích đất tăng so với Quyết định số 66/QĐ-UB.

Theo Sổ mục kê đất năm 1993 của Ủy ban nhân dân phường C2, thì ông Nguyễn Đăng B đã tiến hành đăng ký kê khai thửa đất số 873, tờ bản đồ số 04, diện tích 490m², loại đất T3 (bl 223)

Theo Văn bản số 2008/UBND-PTNMT ngày 10/9/2024, Ủy ban nhân dân thành phố Đ cho biết “Diện tích thửa đất hộ bà Trần Thị T2 đăng ký kê khai quyền sử dụng đất có tăng so với diện tích cấp cho ông Nguyễn Đăng D tại Quyết định số 66/QĐ-UB ngày 05/01/1991 của UBND thị xã Đ; tuy nhiên, phần diện tích này nằm trong khuôn viên thửa đất của gia đình bà T2 sử dụng ổn định, được các hộ liền kề và C2 ký xác nhận, đất không có tranh chấp và có kê khai ở hồ sơ địa chính qua các thời kỳ của Phường C” (bl 245)

Như vậy, có cơ sở xác định, sau khi nhận chuyển nhượng đất, vợ chồng ông B, bà T đã khai hoang và sử dụng thửa đất có diện tích hơn 400m² từ trước năm 1993 (thời điểm này chị N mới 14 tuổi).

Tại phiên tòa sơ thẩm, khi đại diện VKS hỏi chứng cứ để chứng minh chị N có tham gia việc khai hoang thêm đất thì Luật sư Võ Sỹ C1-đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Kiều N trả lời “lời khai chị N như vậy”.

[4] Do đó, mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Trần Thị T nhưng có cơ sở xác định thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04 tọa lạc phường C, thị xã Đ với diện tích 410m², trong đó 250m² đất ở và 160m² đất vườn đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Đăng B, bà Trần Thị T.

[5] Xét chị N có được hưởng thừa kế của ông Trần Đăng B1:

Theo Văn bản số 94/CV-CAP ngày 11/5/2022, Công an phường C3, thành phố Đ cho biết “bà Phan Thị Kiều N sinh ngày 11/07/1979 có trong hộ khẩu bà Trần Thị T ở Khu phố F, Phường C, TP ., Quảng Trị (bà T là chủ hộ) từ ngày 23/3/1999” (bl 05). Trong khi đó, ông Nguyễn Đăng B chết năm 1995 nên giữa chị

N và ông B không phát sinh quan hệ chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, chị N không thuộc diện được hưởng thừa kế từ ông Nguyễn Đăng B.

[6] Với những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng 410m² đất thuộc thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại Phường C, thành phố Đ là tài sản chung của vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đăng B nhận chuyển nhượng từ năm 1991 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kiều N về việc “phân chia tài sản chung của hộ gia đình” và “tuyên bố Văn bản phân chia thừa kế của ông Nguyễn Đăng B được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị chứng thực ngày 30/8/2013 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/9/2013 giữa bà Trần Thị T và chị Nguyễn Thị H được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị chứng thực ngày 13/9/2013 là vô hiệu” là có cơ sở.

[7] Do thửa đất đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đăng B, sau khi ông B chết các con của ông B là chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đăng H1 đã tự nguyện tặng phần được hưởng theo thừa kế cho bà Trần Thị T (có xác nhận của Phòng công chứng số A tỉnh Quảng Trị) nên bà Trần Thị T có toàn quyền quyết định đối với thửa đất 410m².

Ủy ban nhân dân thành phố Đ căn cứ vào yêu cầu tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386478, diện tích 224m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386479, diện tích 167m² là đúng quy định pháp luật.

Ngày 13/9/2013, bà Trần Thị T có lập hợp đồng để tặng cho chị Nguyễn Thị H thửa đất 167m², hợp đồng có xác nhận của Phòng công chứng số A tỉnh Quảng Trị. Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386050 ngày 29/10/2013 cho chị Nguyễn Thị H là đúng quy định pháp luật.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386478, diện tích 224m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386479, diện tích 167m² do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 13/9/2013 cho bà Trần Thị T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386050, diện tích 167m² do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 28/10/2013 cho chị Nguyễn Thị H là đúng quy định pháp luật.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Kiều N không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Kiều N2.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị Kiều N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của chị **Phan Thị Kiều N**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng khoản 5, 11 Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 147, Điều 157, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100 luật đất đai 2013; Điều 649, 651 Bộ luật dân sự 2015.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Phan Thị Kiều N** về việc:

+ Tuyên bố Văn bản phân chia thừa kế của ông **Nguyễn Đăng B** được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị chứng thực ngày 30/8/2013 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/9/2013 giữa bà **Trần Thị T2** và chị **Nguyễn Thị H** được phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị chứng thực ngày 13/9/2013 là vô hiệu.

+ Hủy 03 GCNQSD đất số BP 386478, diện tích 224m² và GCNQSD đất số BP 386479, diện tích 167m² do **UBND thành phố Đ** cấp ngày 13/9/2013 cho bà **Trần Thị T**. Giấy CNQSD đất số BP 386050, diện tích 167m² do **UBND thành phố Đ** cấp ngày 28/10/2013 cho chị **Nguyễn Thị H** và chia tài sản chung của hộ gia đình.

+ Phân chia tài sản chung của hộ gia đình, trong đó xác định quyền sử dụng đất của chị **Phan Thị Kiều N** được hưởng là 80 m², tính ra giá trị là 227.100.000 đồng.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị **Phan Thị Kiều N** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị **Phan Thị Kiều N** đã nộp 300.000 án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000166 ngày 18/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị

3. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đinh Phước Hòa